

Bản án số: 484/2022/HC-PT

Ngày: 06/10/2022

V/v: *Khiếu kiện Quyết định giải quyết  
khiếu nại và hành vi hành chính trong  
lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;  
*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Xuân Trọng;  
Bà Lê Thị Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 140/2022/TLPT-HC ngày 16/4/2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo của người khởi kiện.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9119/2022/QĐ-PT ngày 20/9/2022 giữa các đương sự:

***\* Người khởi kiện:*** Ông Đặng Gia A, sinh năm 1956, có đơn xin xét xử vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Gia A1, sinh năm 1966;

Đều trú tại: Địa chỉ: Khu B1 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình; (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***\* Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân (UBND) và Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thái Bình;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Xuân C, Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Văn C1, Phó Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thái Bình, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lại Văn C2, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình:* Ông Phạm Công C3 và ông Nguyễn Văn C4 đều là Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị C5, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Khu B1 1, thị trấn B, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Gia A và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Thửa đất gia đình ông A được cấp từ năm 1954 đến năm 1957, theo bản đồ 299 thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 13, diện tích 430m<sup>2</sup> mang tên ông Đặng Gia A2 (là bố ông A). Hiện trạng sử dụng trên đất có xây dựng nhà ở cùng công trình phụ, nền nhà cách lề đường 39A 1m; khi đó mặt đường rộng 6m. Năm 2007 bố ông chết thửa đất được chuyển sang tên cho 05 người con để sử dụng; ông Đặng Gia A được quyền sử dụng thửa đất số 276, tờ bản đồ số 15 có diện tích 53,9m<sup>2</sup>. Năm 1982-1983, thực hiện chủ trương của Nhà nước quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, gia đình ông đã tự giác chấp hành tháo dỡ nhà ở, công trình phụ được làm cách đường 39 là 1,5m vào trong đất để làm hành lang giao thông; diện tích hành lang giao thông là 7m từ mép đường gia đình ông A vẫn quản lý, sử dụng.

Năm 1991, Nhà nước đo đạc, lập bản đồ địa chính, quy hoạch lập hành lang an toàn giao thông, xác định bề rộng đường 39A là 20m, mốc giới sang mỗi bên là 10m từ tim đường, đã được đo vẽ trên bản đồ lập năm 1991, có giao cho gia đình 01 Phiếu đo đạc hiện trạng tháng 12/1991 thể hiện: Thửa đất số 7371, diện tích 248m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 5. Bản đồ năm 2001 chỉnh lý năm 2010 vẽ mốc giới đường 39 chỉ thể hiện đến mốc xây dựng cơ bản đồng thời kẻ vạch 12m dọc đường 39 trên bản đồ để tiếp giáp hành lang giao thông 2m có diện tích 8,2m<sup>2</sup>. Tổng diện tích hành lang giao thông qua 2 kỳ cắt vẽ bản đồ là 39,6m<sup>2</sup>. Trong những giai đoạn này thực tế đất hành lang giao thông nhà nước chưa xử lý thu hồi, đền bù về đất, không cắm mốc giới dự án và chưa nâng cấp đường. Do vậy, gia đình ông A vẫn được quyền sử dụng 39,6m<sup>2</sup> đất theo Luật đất đai về giao thông.

Từ năm 2014 dự án nâng cấp Quốc lộ 39-1 được triển khai; tháng 9/2016 ông mới được mời họp và thông qua việc kiểm đếm đền bù tài sản trên đất; UBND huyện có thực hiện việc kiểm đếm tài sản trên đất của gia đình ông nằm trong phạm vi dự án, ông có mặt chứng kiến và ký vào biên bản kiểm đếm; nhưng UBND huyện chỉ ban hành quyết định đền bù về tài sản, không ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình ông.

Ngày 16/5/2018, ông cùng các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện B, tỉnh Thái Bình. Ngày 29/8/2018, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 5957/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của 19 công dân khu B1 1, khu B1 2, thị trấn B, huyện B (lần đầu), nội dung không chấp nhận khiếu nại của 19 hộ gia đình, giữ nguyên các Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 23/02/2017, Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 39 tại khu B1 1, B1 2, thị trấn B.

Ngày 27/9/2018, ông A cùng các hộ gia đình khác đã ủy quyền cho ông Nguyễn Bá C6 khiếu nại lần 2. Ngày 27/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 2716/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá C6 đại diện 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B (lần 2). Tại Quyết định này, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

Gia đình ông A chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất, quyền sở hữu tài sản và nhà ở trên đất là do tình hình chung trong toàn thị trấn chưa làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho các hộ dân. Hàng năm ông A nộp thuế và chấp hành mọi nghĩa vụ chính sách về đất đai với Nhà nước đầy đủ. Việc nộp thuế theo diện tích đã trừ hành lang giao thông 10m, 12m gia đình ông chấp hành theo giấy báo của nhân viên thuế lập và thu thuế. Gia đình ông A mới thực hiện ký ranh giới, mốc giới giữa các hộ liền kề hiện trạng thửa đất, chưa thực hiện ký mốc giới phía giáp đường 39A. Vì vậy khẳng định việc ký mốc giới theo kết luận Quyết định số 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B là chưa đầy đủ, chưa chính xác. Theo quy định của pháp luật, ông A đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất thì phải được UBND huyện ra Quyết định thu hồi và phải được bồi thường đối với 39,6m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang giao thông theo quy định.

Gia đình ông A đã được UBND huyện B thông báo nhận tiền đền bù về tài sản trên đất, gia đình ông A đã nhận nhưng ông cho rằng nhà nước còn phải đền bù tiếp cho gia đình ông phần diện tích chênh lệch giữa diện tích đã bị thu hồi trên thực tế với diện tích đã đền bù theo phương án là 39,6 m<sup>2</sup>, vì vậy chưa đảm bảo quyền lợi của gia đình ông.

Vì thế, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Yêu cầu hủy Quyết định 2716/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá C6 đại diện 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình (lần 2);
2. Yêu cầu hủy Quyết định 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của 19 công dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình (lần đầu);
3. Yêu cầu UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 39,6m<sup>2</sup> đất thổ cư nằm trong hành lang giao thông đường 39 theo dự án nâng cấp quốc lộ 39-1 đoạn Triều Dương - B.

*Người bị kiện là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B,*

*tỉnh Thái Bình trình bày:*

Theo bản đồ 299, bản đồ đo đạc năm 1991 thì thời điểm năm 1991 UBND thị trấn B thực hiện đo đạc, lập bản đồ và hồ sơ địa chính quy định hành lang bảo vệ an toàn đường bộ theo Quyết định số 463-QĐ/UBND, ngày 21/12/1990 của UBND tỉnh Thái Bình thì chiều rộng đường 39 là 20m (từ tim đường vào mỗi bên là 10m), không thực hiện việc thu hồi đất của các hộ dân, nhưng có lập phiếu đo đạc hiện trạng thể hiện: Tổng diện tích đất các hộ đang sử dụng của thửa đất, đường chỉ giới giao thông cách tim đường 10m, xác định diện tích thửa đất gồm: Phần diện tích đất thuộc lưu không đường 39, phần diện tích đất còn lại; việc này đã được các hộ dân thống nhất ký tên. Tuy nhiên, diện tích trên bản đồ địa chính năm 1991 chỉ thể hiện phần đất không thuộc lưu không đường 39 của các hộ gia đình. Đến thời điểm năm 2001 UBND thị trấn B thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính; thời điểm này bề rộng hành lang bảo vệ đường theo quyết định số 95/QĐ-UB ngày 14/3/1996 của UBND tỉnh Thái Bình thì chiều rộng Quốc lộ 39 là 24m (từ tim đường vào đến đất của các hộ giáp mặt đường mỗi bên là 12m), không thực hiện thu hồi đất của các hộ dân có đất trong phạm vi này, các hộ tự tháo dỡ công trình trong diện tích đất đang sử dụng phía mặt đường để mở rộng giao thông hiện có. Thời điểm đo đạc lập bản đồ địa chính năm 2001 đã lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Tại biên bản này đã thể hiện diện tích đất theo hiện trạng sử dụng cách tim đường là 12m, nhà nào chưa giải tỏa thì thể hiện theo hiện trạng công trình (vượt ra ngoài chỉ giới cách tim đường 12m). Bản đồ địa chính chính lý năm 2010 thì cơ bản ranh giới, mốc giới các thửa đất giáp mặt đường 39 ổn định, không có sự thay đổi, biến động so với năm 2001, chỉ giới Quốc lộ 39 là 12m tính từ tim đường mỗi bên. Thời điểm đo đạc đã lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của từng hộ gia đình.

UBND huyện B xác định: UBND huyện B đã thực hiện thu hồi đất, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 39 tại khu B1 1, B1 2, thị trấn B đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Chủ tịch UBND huyện B xác định: Quyết định số 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của 19 công dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B đúng quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại về trình tự, thẩm quyền và đúng về nội dung giải quyết khiếu nại.

Do đó, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện Hưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày:*

*- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại:*

Sau khi nhận được Đơn khiếu nại do ông Nguyễn Bá C6 đại diện cho 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B (trong đó có ông Đặng Gia A), với nội dung: Khiếu nại Quyết định 5957 của Chủ tịch UBND huyện B; Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thành lập tổ xác minh để giải quyết khiếu nại của các hộ gia đình theo quy định

của Luật Khiếu nại năm 2011. Kết quả xác minh về nguồn gốc, diện tích, loại đất của hộ gia đình Đặng Gia A và Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ ở địa phương đối với đất ở của hộ gia đình ông Đặng Gia A. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại. Khi đối thoại không thành mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

- *Về nội dung và căn cứ giải quyết:* Sau khi xem xét kết quả xác minh và các tài liệu, các căn cứ cho việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thấy: Việc UBND huyện B thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 39 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với 19 công dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B (trong đó có hộ gia đình ông A) của Chủ tịch UBND huyện B tại Quyết định số 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định Luật Khiếu nại năm 2011 và các Văn bản hướng dẫn thi hành, về nội dung giải quyết đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Vì vậy, ngày 27/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 2716/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá C6 đại diện 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình lần hai có nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình: Quyết định 2716 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị C5 trình bày:* Thông nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 22/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 75; Điều 89; Điều 90 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Gia A về việc:

1. Yêu cầu hủy Quyết định 5957/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của 19 công dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình (lần đầu);

2. Yêu cầu hủy Quyết định 2716/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá C6 đại diện 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình (lần 2);

3. Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện

tích 39,6m<sup>2</sup> đất thổ cư nằm trong hành lang giao thông đường 39 theo dự án nâng cấp quốc lộ 39-1 đoạn Triều Dương- B là trái pháp luật.

4. Yêu cầu UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi diện tích 39,6m<sup>2</sup> đất thổ cư nằm trong quy hoạch hành lang giao thông và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với 39,6m<sup>2</sup> đất của gia đình ông A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được đơn kháng cáo (đề ngày 02/8/2021) của ông Đặng Gia A kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:* Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, đơn kháng cáo của ông Đặng Gia A làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm và sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đặng Gia A, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Về đối tượng khởi kiện, thủ tục, thời hiệu khởi kiện:

Quyết định 2716/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá C6 đại diện 17 hộ dân khu B1 1, B1 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Thái Bình (trong đó có hộ ông Đặng Gia A) và các quyết định hành chính có liên quan, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 12/12/2019, ông Đặng Gia A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hạn 1 năm. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

*\* Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Đặng Gia A:

[3] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Nguồn gốc thửa đất mà ông Đặng Gia A hiện đang sử dụng theo bản đồ đo đạc năm 1986 (bản đồ 299) thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 13 diện tích 439m<sup>2</sup>, loại đất T chủ sử dụng là ông Đặng Gia A2 (là bố ông A); năm 1991 thửa đất được tách thành 02 thửa, gồm: Thửa số 11527 thuộc tờ bản đồ số 5 diện tích 248m<sup>2</sup>, chủ sử dụng là ông Đặng Gia A2 và thửa số 7371, diện tích 328m<sup>2</sup> chủ sử dụng là ông Đặng Gia A1. Theo phiếu đo đạc hiện trạng đất năm 1991 thể hiện loại đất T, chủ sử dụng là hộ ông Đặng Gia A2 + Đặng Gia A1; trong đó 16,3m<sup>2</sup> nằm trong lưu không đường 39. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2001: Thửa đất trên tách thành 5 thửa từ thửa số 210 đến thửa 214, tờ bản đồ số 15; trong đó thửa đất ông A thuộc thửa số 210, diện tích sử dụng 49,5m<sup>2</sup>. Bản đồ chỉnh lý năm 2010 thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 15 diện tích 53,9m<sup>2</sup>, loại đất ODT, chủ sử dụng ông Đặng Gia A. Các tài liệu trên cho thấy thời điểm đo đạc (tháng 12/1991) UBND thị trấn B đã cắm mốc hành lang ATGT đường 39A theo Quyết định số 463-QĐ/UB ngày 21/12/1990 của UBND tỉnh Thái Bình quy định đường tỉnh quản lý là 20m (mỗi bên 10m tính từ tim đường), diện tích đất gia đình ông A đang sử dụng vi phạm quy hoạch hành lang ATGT đã bị trừ đi, đã ghi vào Phiếu đo, ông A đã ký xác nhận, trường hợp này được xác định là Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia công cộng quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Đất đai năm 1987. Theo quy định tại điểm c mục 3 “Điều lệ bảo vệ đường bộ” ban hành kèm theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng, Quyết định số 463-QĐ/UB ngày 21/12/1990 của UBND tỉnh Thái Bình quy định: Các hộ gia đình sử dụng đất tiếp giáp đường giao thông có nghĩa vụ di dời tài sản khỏi phạm vi hành lang ATGT đường bộ, phải giao đất cho Nhà nước để đảm bảo hành lang ATGT. Luật đất đai năm 1987 và các văn bản hướng dẫn thi hành thời kỳ này đều không quy định việc Nhà nước bồi thường về đất khi thu hồi đất và trình tự, thủ tục thu hồi đất. Vì vậy, thời điểm này, UBND huyện B không ra quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông A là đúng pháp luật.

Thời điểm năm 2001, UBND thị trấn B thực hiện đo đạc lập Bản đồ địa chính, quy hoạch hành lang bảo vệ ATGT đường 39 theo Quyết định số 95/QĐ-UB ngày 14/3/1996 của UBND tỉnh Thái Bình là mỗi bên 12m tính từ tim đường vào đến đất các hộ dân ven đường. UBND thị trấn B đã triển khai và tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất của tất cả các hộ trên địa bàn thị trấn B, trong đó có hộ ông A. Chủ sử dụng là ông A đã ký vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 10/12/2001. Năm 2010, UBND thị trấn B lại tiếp tục đo đạc hiện trạng Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 28/5/2010 đã được ông A đại diện chủ sử dụng đất ký xác nhận, sau đó gia đình ông A không có ý kiến phản đối gì. Từ năm 2009 đến năm 2016 gia đình ông A đã nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với diện tích đất theo số liệu bản đồ 2001.

Bản đồ địa chính điều chỉnh năm 2010 được lập trên cơ sở số liệu đo đạc ngày 28/5/2010 là Bản đồ địa chính mới nhất, có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 20 Thông tư 24/2014/TT-TNMT về lập bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai quy định: “*Bản đồ địa chính là thành phần của hồ sơ địa chính, thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích các thửa đất và các đối tượng chiếm đất không tạo*

*thành thửa đất; được lập để đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và các nội dung khác của quản lý nhà nước về đất đai”.* Theo quy định này, thì khi cấp GCNQSD đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cũng như việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất... thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào các thông tin về đường ranh giới (hình thể, kích thước cạnh thửa, tọa độ đỉnh thửa), diện tích của thửa đất được xác định trên bản đồ địa chính mới.

Hội đồng Bồi thường huyện B căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2001 và chỉnh lý năm 2010, bản vẽ Trích lục bản đồ địa chính Dự án VRAMP - Nâng cấp quốc lộ 39A đoạn Triều Dương, B số 179/2015/TLĐC ngày 09/6/2015 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B thực hiện được Phòng TN&MT thẩm định để xác định phạm vi, diện tích đất phải thu hồi làm cơ sở lập phương án bồi thường, thu hồi đất là có căn cứ.

Biên bản kiểm đếm ngày 25/7/2016 thể hiện không có đất của hộ gia đình ông A trong phạm vi thu hồi dự án, chỉ có tài sản trên đất, ông Đặng Gia A đã ký xác nhận vào biên bản kiểm đếm; sau đó phương án bồi thường, hỗ trợ đã được niêm yết công khai trong thời hạn 20 ngày, đồng thời tổ chức lấy ý kiến của người dân. Trên cơ sở đó tiếp tục rà soát, điều chỉnh, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đợt 2; đến ngày 06/02/2017 tiếp tục niêm yết công khai để người dân biết được. Ngày 23/02/2017 UBND huyện B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 39. Hộ gia đình ông A không được cấp GCNQSD đất; Phiếu đo đạc hiện trạng tháng 12/1991 không phải là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai mà chỉ là giấy tờ làm căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Từ những phân tích trên cho thấy: Việc ông Đặng Gia A cho rằng hộ gia đình ông đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất mà gia đình ông đã sử dụng từ trước năm 1980 (kể cả đất hành lang ATGT) đủ điều kiện được bồi thường là không có cơ sở.

[4]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu):

Để giải quyết khiếu nại của hộ gia đình ông A cùng với 19 công dân khu Đồng Tu 1, Đồng Tu 2 thị trấn Hưng Hà, Chủ tịch UBND huyện Hưng Hà đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan; đã tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 29/8/2018 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 5957/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của 19 công dân là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011 và đảm bảo thể thức văn bản theo quy định nhưng còn vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.



Quyết định số 5957/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của 19 công dân (trong đó có khiếu nại của ông A) thể hiện tại đơn khiếu nại ngày 16/5/2018 - là có căn cứ như đã phân tích ở trên.

[5]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai):

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại lần hai của gia đình ông A và một số công dân khác, đã giao Sở TM&MT xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 27/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 2716/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và đảm bảo thể thức văn bản theo quy định nhưng còn vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 37 Luật khiếu nại năm 2011.

Quyết định số 2716/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 5957/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình - là hợp pháp và có căn cứ.

Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Gia A là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông A phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông Đặng Gia A là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với ông A.

[7]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đặng Gia A và giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với ông Đặng Gia A.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠİ PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**